BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021 - 2030

THÀNH PHỐ PHỔ YÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

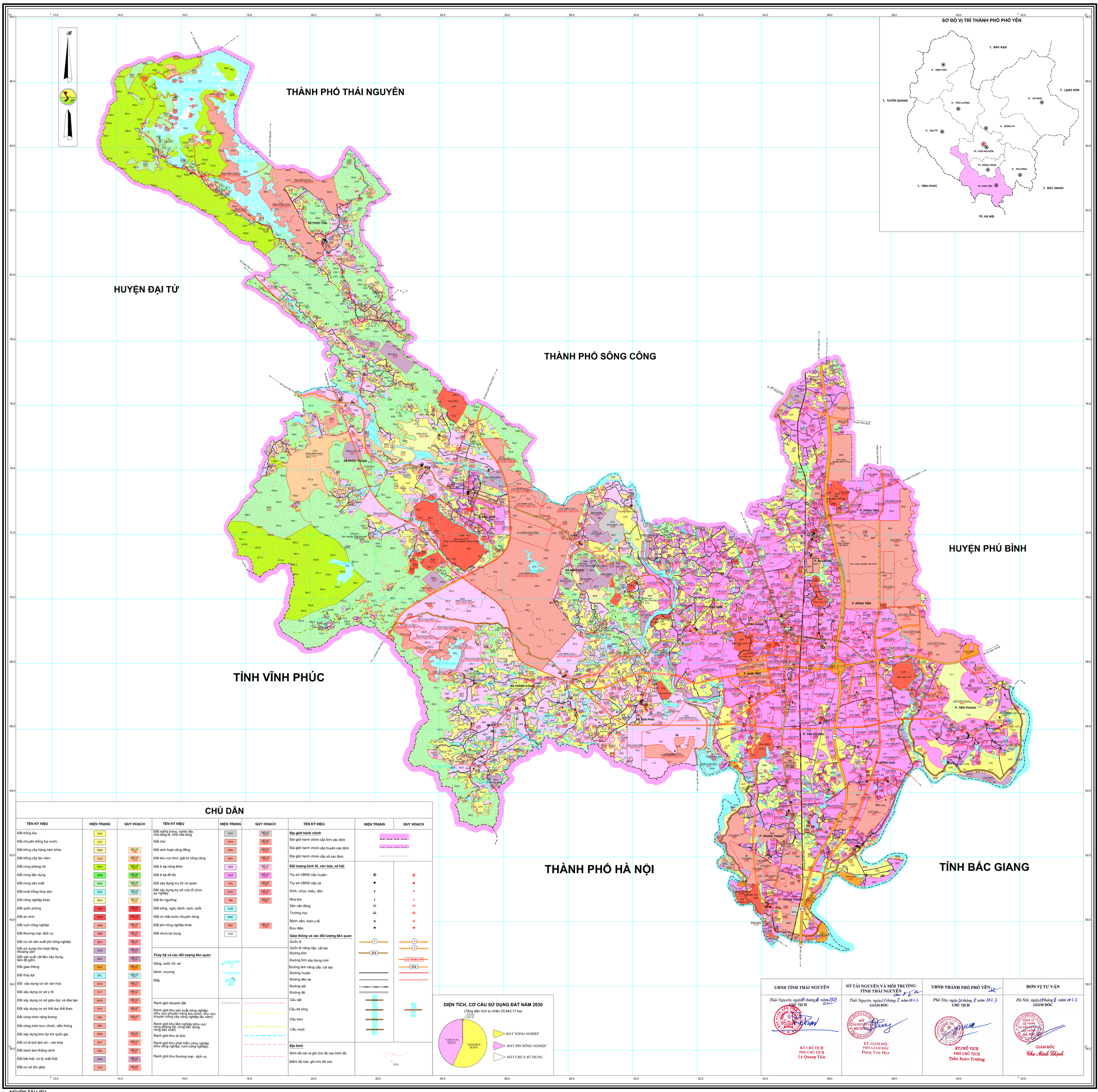

CHÚ DẪN

TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH
Đất trồng lúa	LUA	
Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	MÃ HT HNK
Đất trồng cây lâu năm	CLN	MÃ HT CLN
Đất rừng phòng hộ	RPH	MÃ HT RPH
Đất rừng đặc dụng	RDD	MÃ HT RDD
Đất rừng sản xuất	RSX	MÃ HT RSX
Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	MÃ HT NTS
Đất nông nghiệp khác	NKH	MÃ HT DNT
Đất quốc phòng	CQP	MÃ HT CQP
Đất an ninh	CAN	MÃ HT CAN
Đất cụm công nghiệp	SKN	MÃ HT SKN
Đất thương mại, dịch vụ	TMD	MÃ HT TMD
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	MÃ HT SKC
Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	MÃ HT SKS
Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	MÃ HT SKX
Đất giao thông	DGT	MÃ HT DGT
Đất thủy lợi	DTL	MÃ HT DTL
Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	MÃ HT DVH
Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	MÃ HT DYT
Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	MÃ HT DGD
Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	MÃ HT DTT
Đất công trình năng lượng	DNL	MÃ HT DNL
Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	
Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	MÃ HT DKG
Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	MÃ HT DDT
Đất danh lam thắng cảnh	DDL	MÃ HT DDL
Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	MÃ HT DRA
Đất cơ sở tôn giáo	TON	MÃ HT TON

TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH
Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	MÃ HT NTD
Đất chợ	DCH	MÃ HT DCH
Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	MÃ HT DSH
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	MÃ HT DKV
Đất ở tại nông thôn	ONT	MÃ HT ONT
Đất ở tại đô thị	ODT	MÃ HT ODT
Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	MÃ HT TSC
Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	MÃ HT DTS
Đất tín ngưỡng	TN	MÃ HT TN
Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	
Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
Đất phi nông nghiệp khác	PNK	MÃ HT PNK
Đất chưa sử dụng	CSD	

Thủy hệ và các đối tượng liên quan

TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH
Sông, suối, hồ, ao		
Kênh, mương		
Đập		
Ranh giới khoanh đất		
Ranh giới khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)		
Ranh giới khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)		
Ranh giới khu du lịch		
Ranh giới khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)		
Ranh giới khu thương mại - dịch vụ		

TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH
Địa giới hành chính		
Địa giới hành chính cấp tỉnh xác định		
Địa giới hành chính cấp huyện xác định		
Địa giới hành chính cấp xã xác định		
Đối tượng kinh tế, văn hóa, xã hội		
Trụ sở UBND cấp huyện		
Trụ sở UBND cấp xã		
Đình, chùa, miếu, đền		
Nhà thờ		
Sân vận động		
Trường học		
Bệnh viện, trạm y tế		
Bưu điện		
Giao thông và các đối tượng liên quan		
Quốc lộ	3	3
Quốc lộ nâng cấp, cải tạo		3
Đường tỉnh	274	
Đường tỉnh xây dựng mới		LK TN-BG-VP
Đường tỉnh nâng cấp, cải tạo		274
Đường huyện		
Đường liên xã		
Đường sắt		
Đường đê		
Cầu sắt		
Cầu bê tông		
Cầu treo		
Cầu vượt		
Địa hình		
Bình độ cái và ghi chú độ cao bình độ	150	
Điểm độ cao, ghi chú độ cao	123.5	

DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2030

(Tổng diện tích tự nhiên 25.842,17 ha)

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN	UBND THÀNH PHỐ PHỔ YÊN	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
Thái Nguyên, ngày 05 tháng 11 năm 2023	*Thái Nguyên, ngày 24 tháng 8 năm 2023*	*Phổ Yên, ngày 26 tháng 8 năm 2023*	*Hà Nội, ngày 4 tháng 8 năm 2023*
CHỦ TỊCH	GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH	GIÁM ĐỐC
KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH Lê Quang Tiến	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Đặng Văn Huy	KT.CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH Trần Xuân Trường	GIÁM ĐỐC Chu Minh Thính

NGUỒN TÀI LIỆU

- Bản đồ phương án Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 tỉnh Thái Nguyên.
- Bản đồ hoạch chung thị xã Phổ Yên - tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035
- Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 thành phố Phổ Yên
- Quy hoạch chi tiết các công trình, dự án

TỶ LỆ 1 : 25 000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG

Công ty cổ phần Tư vấn Dịch vụ Địa chính Hà Nội